

Số: 1736 /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình  
Kè chống xói lở bờ sông Ngàn Mọ, huyện Cẩm Xuyên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Kè chống xói lở bờ sông Ngàn Mọ, huyện Cẩm Xuyên;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Xuyên tại Tờ trình số 1279/TTr-UBND ngày 10/6/2019; của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 997/BC-SNN ngày 05/6/2019 (kèm Văn bản số 1450/BC-SGTVT ngày 28/5/2019 của Sở Giao thông Vận tải),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Kè chống xói lở bờ sông Ngàn Mọ, huyện Cẩm Xuyên, với các nội dung như sau:

1. Tên công trình: Kè chống xói lở bờ sông Ngàn Mọ, huyện Cẩm Xuyên.
2. Loại và cấp công trình: Công trình nông nghiệp và PTNT, cấp IV.
3. Nhóm dự án: Nhóm C.
4. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Xuyên.
5. Địa điểm xây dựng: Các xã: Cẩm Duệ, Cẩm Thành, huyện Cẩm Xuyên.

6. Nhà thầu khảo sát, thiết kế và lập dự toán xây dựng công trình: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng thủy lợi Hà Tĩnh.

7. Nội dung đầu tư và thiết kế:

Thông nhất theo thông báo kết quả thẩm định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 997/BC-SNN ngày 05/6/2019, với các nội dung chủ yếu sau:

Kè Bảo vệ bờ sông (bao gồm 04 đoạn kè), với tổng chiều dài 475m; xây dựng mới 01 cầu dân sinh; 12 bậc lên xuống; 02 cống tiêu; tiếp nối đầu và cuối các tuyến kè với các công trình hiện trạng. Các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình:

a) Kè bảo vệ bờ sông - Đoạn 1 (thôn Trần Phú, xã Cẩm Duệ):

- Chiều dài tuyến 116m (điểm đầu ở khu dân cư thôn Trần Phú; điểm cuối nối với tuyến đường giao thông liên xã Cẩm Duệ-Cẩm Thành).

- Đỉnh kè: Cao trình đỉnh kè (+4,50)m, khóa đỉnh kè bằng dầm bê tông cốt thép M250.

- Thân kè: Kết hợp giữa mái nghiêng và tường đứng: Từ cao trình (+2,50) đến đỉnh kè có hệ số mái  $m=1,50$ , được gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn M250, kích thước (40x40x12)cm, liên kết mảng mềm trong khung bê tông cốt thép M250, phía dưới là lớp dăm lót (1x2)cm loại 2 dày 10cm, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật. Tại cao trình (+2,50) bố trí cơ rộng 2,0m; gia cố bằng bê tông M250 dày 20cm. Từ cao trình (+2,50)m đến chân kè (+0,50)m là hệ thống tường đứng; kết cấu bằng 01 hàng cọc bê tông cốt thép M300 đúc sẵn kích thước (9,0x0,3x0,3)m cách nhau 1,5m; giữa các cọc là các tấm chắn đất đúc sẵn, kết cấu bê tông cốt thép M250 kích thước (1,5x0,75x0,15)m được đặt trên dầm liên kết các cọc bằng bê tông cốt thép M250 kích thước (0,3x0,5)m; phía sau dầm và các tấm chắn đất là 2 lớp vải lọc.

- Chân kè: Cao trình đỉnh chân kè (+0,50)m, chiều rộng  $B=2,0m$ , hệ số mái  $m=1,75$ ; kết cấu chân kè bằng đá hộc xếp khàn dày 50cm ở đỉnh, phía dưới là lăng thể đá đổ và rỗng đá được bó bằng thép mạ kẽm bọc PVC, kích thước ( $D=60cm$ ,  $L=10m$ ).

- Công trình trên tuyến: Khóa hai đầu kè và 04 bến dân sinh.

b) Kè bảo vệ bờ sông - Đoạn 2 (thôn Thống Nhất, xã Cẩm Duệ):

- Chiều dài tuyến 162m (điểm đầu nối với tuyến đường giao thông liên xã Cẩm Duệ - Cẩm Thành; điểm cuối ở khu dân cư thôn Thống Nhất).

- Đỉnh kè: Cao trình đỉnh kè (+3,60)m, khóa đỉnh kè bằng dầm bê tông cốt thép M250.

- Thân kè: Kết hợp giữa mái nghiêng và tường đứng: Từ cao trình (+2,50)m đến đỉnh kè có hệ số mái  $m=1,50$ , được gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn M250, kích thước (40x40x12)cm, liên kết mảng mềm trong khung bê tông cốt thép M250, phía dưới là lớp dăm lót (1x2)cm loại 2 dày 10cm, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật. Tại cao trình (+2,50) bố trí cơ rộng 2,0m; gia cố bằng bê tông M250 dày

20cm. Từ cao trình (+2,50)m đến chân kè (+0,50)m là hệ thống tường đứng, kết cấu bằng 01 hàng cọc bê tông cốt thép M300 đúc sẵn kích thước (9,0×0,3×0,3)m cách nhau 1,5m; giữa các cọc là các tấm chắn đất đúc sẵn, kết cấu bê tông cốt thép M250 kích thước (1,5×0,75×0,15)m được đặt trên dầm liên kết các cọc bằng BTCT M250 kích thước (0,3×0,5)m, phía sau dầm và các tấm chắn đất là 2 lớp vải lọc.

- Chân kè: Cao trình đỉnh chân kè (+0,50)m, chiều rộng B=2,0m, hệ số mái m=1,75, kết cấu chân kè bằng đá hộc xếp khan dày 50cm ở đỉnh, phía dưới là lăng thể đá đổ và rỗng đá được bó bằng thép mạ kẽm bọc PVC, kích thước (D=60cm, L=10m).

- Công trình trên tuyến: Khóa hai đầu kè và 04 bên dân sinh.

c) Kè bảo vệ bờ sông - Đoạn 3 (thôn Nam Thành, xã Cẩm Thành):

- Chiều dài tuyến 112m (điểm đầu ở khu dân cư thôn Trần Phú; điểm cuối nối với cầu chợ Chùa xã Cẩm Thành).

- Đỉnh kè: Cao trình đỉnh kè (+3,50)m; khóa đỉnh kè bằng dầm bê tông cốt thép M250.

- Thân kè: Kết hợp giữa mái nghiêng và tường đứng: Từ cao trình (+2,50)m đến đỉnh kè có hệ số mái m=1,50, được gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn M250, kích thước (40×40×12)cm, liên kết mảng mềm trong khung bê tông cốt thép M250, phía dưới là lớp dăm lót (1x2)cm loại 2 dày 10cm, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật. Tại cao trình (+2,50)m bố trí cơ rộng 1,5m, gia cố bằng bê tông M250 dày 20cm. Từ cao trình (+2,50)m đến chân kè (+0,50)m là hệ thống tường chắn đất có kết cấu bằng bê tông M250; chân tường có kết cấu BTCT M250 trên hệ thống cọc bê tông đúc sẵn M300 kích thước (3,5×0,25×0,25)m.

- Chân kè: Cao trình đỉnh chân kè (+0,50)m, chiều rộng B=2,0m, hệ số mái m=1,50, kết cấu chân kè bằng đá hộc xếp khan dày 50cm ở đỉnh, phía dưới là lăng thể đá đổ.

- Công trình trên tuyến: Khóa hai đầu kè, 01 cống tiêu và 02 bên dân sinh.

d) Kè bảo vệ bờ sông - Đoạn 4 (thôn Đông Mỹ, xã Cẩm Thành):

- Chiều dài tuyến 85m (điểm đầu, điểm cuối nối với tuyến đường giao thông liên thôn xã Cẩm Thành).

- Đỉnh kè: Cao trình đỉnh kè (+2,20)m, khóa đỉnh kè bằng dầm bê tông cốt thép M250.

- Thân kè: Mái nghiêng có hệ số m=2,00, được gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn M250, kích thước (40×40×12)cm, liên kết mảng mềm trong khung bê tông cốt thép M250, phía dưới là lớp dăm lót (1x2)cm loại 2 dày 10cm, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật.

- Chân kè: Cao trình đỉnh chân kè từ (-0,50)m đến (+0,00)m, chiều rộng B=2,0m, hệ số mái m=1,75, kết cấu chân kè bằng đá hộc xếp khan dày 50cm ở đỉnh, phía dưới là lăng thể đá đổ và rỗng đá được bó bằng thép mạ kẽm bọc PVC, kích thước (D=60cm, L=10m).

- Công trình trên tuyến: khóa hai đầu kè và 02 bến dân sinh.

e) Cầu dân sinh (cầu Lạch xã Cẩm Duệ): Thống nhất kết quả thẩm định của Sở Giao thông Vận tải tại Văn bản số 1450/TB-SGTVT ngày 28/5/2019, với các thông số kỹ thuật chính như sau:

- Phần cầu chính:

+ Quy mô thiết kế: Xây dựng cầu vĩnh cửu bằng bê tông cốt thép; tải trọng thiết kế H30-XB80 (tiêu chuẩn thiết kế 22TCN272-05); khổ cầu  $B=(7,0+2 \times 0,25)=7,5\text{m}$ ; chiều dài toàn cầu tính đến đuôi tường thân mố là  $L_c=7,4\text{m}$ .

+ Kết cấu phần trên: Cầu gồm 01 nhịp giản đơn  $L_0 = 6\text{m}$ , dầm bản bê tông cốt thép 25MPa đổ lắp ghép; chiều dài dầm 6m, chiều cao 0,3m; lớp phủ mặt cầu bằng BTCT 25MPa, dày trung bình 13cm, được tạo dốc hai mái 3,0%; lan can tay vịn bằng thép mạ kẽm.

+ Kết cấu phần dưới: Dạng mố nhẹ, tường cánh chéo dạng trọng lực; mỗi bên móng tường thân mố, móng tường cánh được gia cố bằng 18 cọc bê tông cốt thép 25MPa, tiết diện cọc 25x25cm, chiều dài cọc 5m; xà mũ, móng mố, thân mố, thanh chống bằng bê tông cốt thép 20MPa; móng tường cánh, thân tường cánh, lòng cầu, sân thượng hạ lưu, chân khay ốp mái bằng bê tông xi măng 15MPa; hai bên đuôi mố được bố trí bản dẫn bằng bê tông cốt thép 20MPa.

- Đường hai đầu cầu: Vuốt nối đường hai đầu cầu tư quy mô tại vị trí cầu về quy mô đường hiện trạng chiều rộng nền đường  $B_{\text{nền}}=7,5\text{m}$ , mặt đường  $B_{\text{mặt}}=5,5\text{m}$  đảm bảo hài hòa, êm thuận.

+ Nền đường hai đầu cầu được đắp đất đôi đầm chặt  $K \geq 0,95$  ( $\text{CBR} \geq 4$ ). Đối với trường hợp nền đường mở rộng và làm mới, 30cm nền đường trên cùng đảm bảo độ chặt  $K \geq 0,95$ . Trước khi đắp, đào bóc lớp đất hữu cơ dày tối thiểu 30cm; đánh cấp với bề rộng tối thiểu 0,5m đối với các vị trí có độ dốc ngang  $> 20\%$ . Má dốc taluy nền đường đắp 1/1,5.

+ Kết cấu mặt đường: Đá dăm láng nhựa 03 lớp, gồm các lớp vật liệu từ trên xuống như sau: Kết cấu làm mới, mở rộng: Láng nhựa 03 lớp, tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m<sup>2</sup> dày 3,5cm; lớp móng trên bằng đá (4x6)cm chèn đá dăm dày 14cm; lớp móng cấp phối đá dăm loại 2 ( $d_{\text{max}} = 37,5\text{mm}$ ) dày 25cm; kết cấu mặt đường tăng cường trên mặt đường cũ: Láng nhựa 03 lớp, tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m<sup>2</sup> dày 3,5cm; lớp móng bằng đá (4x6)cm chèn đá dăm dày 14cm; bù vênh bằng đá (4x6)cm chèn đá dăm khi  $H_{bv} \leq 12\text{cm}$  hoặc móng cấp phối đá dăm loại 2 khi  $H_{bv} > 12\text{cm}$ .

+ Má má taluy hai bên bờ sông phía thượng, hạ lưu cầu được gia cố bằng bê tông xi măng 15MPa, kết hợp chân khay để chống xói.

+ Hoàn trả nương thủy lợi khẩu độ  $B = 0,6\text{m}$  phía phải tuyến, thân nương bằng bê tông xi măng M200; đoạn qua cầu được thiết kế dầm nương máng bằng bê tông cốt thép M200.

+ An toàn giao thông: Thiết kế hệ thống ATGT theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTVT.

f) Các hạng mục phụ trợ khác: Theo hồ sơ thiết kế được thẩm định.

8. Tổng mức đầu tư: 14.986.000.000 đồng.

Trong đó

- Chi phí xây dựng: 11.118.405.000 đồng.

- Chi phí quản lý dự án: 314.145.000 đồng.

- Chi phí tư vấn ĐTXD: 1.365.858.000 đồng.

- Chi phí khác: 945.564.000 đồng.

- Chi phí dự phòng: 1.242.028.000 đồng.

9. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh hỗ trợ theo Nghị quyết số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh (13.500 triệu đồng; ngân sách huyện Cẩm Xuyên và các nguồn vốn hợp pháp khác (1.500 triệu đồng).

10. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

11. Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2020.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

- Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Xuyên (Chủ đầu tư) hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục theo ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản nêu trên; tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014, Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014 và các quy định hiện hành, đảm bảo hoàn thành dự án đúng thời gian quy định, phát huy hiệu quả.

- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ, kiểm tra, chỉ đạo, hướng dẫn Chủ đầu tư thực hiện đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Xuyên và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Đặng Ngọc Sơn;
- Phó VP Bùi Khắc Bằng;
- Trung tâm TT-CB-TH;
- Lưu VT, NL<sub>1</sub>. (10)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Ngọc Sơn**